

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12/2015
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
MÔN THI : KIẾN THỨC KH MAC LÊNIN & TTHCM

Thời Gian: 13H00 - 20/12/2015

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	172338156	Mai Thanh	Hùng	K17QTH	03/03/1993	7.0	Bảy	
2	161325844	Huỳnh Thanh	Huy	D19QTH	25/01/1992	7.0	Bảy	
3	1827217659	Võ Hải	Linh	D18QTHB	17/12/1984	6.5	Sáu phẩy Năm	
4	172338228	Lê Thanh	Long	K17QTH	26/01/1993	6.5	Sáu phẩy Năm	
5	172338173	Nguyễn Xuân	Phúc	K17QTH	13/02/1993	8.0	Tám	
6	172328077	Nguyễn Ngọc	Quang	K17QTH	10/02/1992	7.5	Bảy phẩy Năm	
7	162333804	Nguyễn Điền	Thuận	K17QTH	10/09/1990	6.5	Sáu phẩy Năm	
8	179333639	Thái Thành	Trung	D17QTHB	02/01/1990	8.5	Tám phẩy Năm	
9	1826217520	Nguyễn Thái Hoàng	Vy	D18QTHB	26/05/1990	9.0	Chín	
10	162343858	Nguyễn Xuân	Nguyễn	K16QTM	04/03/1991	2.5	Hai phẩy Năm	
11	162343864	Trương Văn	Tân	K16QTM	07/02/1987	8.0	Tám	
12	172348307	Phan Tuấn	Anh	K17QTC	23/10/1993	8.5	Tám phẩy Năm	
13	172348354	Nguyễn Thế	Khoa	K17QTC	06/06/1993	7.0	Bảy	
14	1920235307	Trần Thị Minh	Trang	D19QTC	15/02/1992	8.0	Tám	
15	172348460	Nguyễn Thị Thanh	Tú	K17QTC	27/03/1992	6.5	Sáu phẩy Năm	
16	162354096	Trần Anh	Tuấn	K17QTC	02/02/1992	8.0	Tám	
17	172348464	Hồ Ngọc	Tuấn	K17QTC	14/04/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
18	152526295	Nguyễn Trần Minh	Ân	K15QNH	13/06/1991	6.5	Sáu phẩy Năm	
19	179523775	Nguyễn Hữu	Bình	D18QNHB	24/07/1989	7.0	Bảy	
20	179523776	Trần Tiến	Chung	D17QNHB	20/07/1990	V	Vắng	
21	172528523	Đỗ Thanh	Hà	K17QNH	31/05/1993	7.5	Bảy phẩy Năm	
22	1826247779	Võ Thị Lan	Hương	D18QNHB	16/06/1990	V	Vắng	
23	172528612	Phạm Phước Ngọc	Quyền	K17QNH	15/01/1993	9.0	Chín	
24	1827247810	Lê Văn	Thi	D18QNHB	16/08/1990	8.5	Tám phẩy Năm	
25	1920235313	Phan Lương Mỹ	Trình	D19QNH	03/08/1992	8.5	Tám phẩy Năm	
26	172526929	Lê Thị Thu	Hà	K17PSU-QNH	01/09/1993	9.0	Chín	
27	172526946	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	K17PSU-QNH	28/08/1993	8.5	Tám phẩy Năm	
28	172526999	Mai Đăng	Vinh	K17PSU-QNH	19/01/1992	7.5	Bảy phẩy Năm	
29	172316833	Nguyễn Văn	Thành	K17PSU-KKT	02/03/1993	7.5	Bảy phẩy Năm	
30	152523582	Đào Vương	Anh	K17CMU-TP	19/10/1991	5.5	Năm phẩy Năm	
31	162133103	Trương Tấn	Lành	K16CMU_TP	01/01/1992	V	Vắng	
32	172126447	Võ Hoàng	Minh	K17CMU-TP	14/08/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
33	172126457	Đàm Hưng	Thịnh	K17CMU-TP	14/07/1993	5.5	Năm phẩy Năm	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12/2015
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
MÔN THI : KIẾN THỨC KH MAC LÊNIN & TTHCM

34	172526960	Lê Trần Khánh	Nguyên	K17PSU-DLK	18/12/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
35	1921123299	Huỳnh Nil	Giang	D19EVT	24/09/1991	8.0	Tám	
36	1921169718	Lê Ngọc	Huy	D19EVT	11/05/1991	8.5	Tám phẩy Năm	
37	161157545	Nguyễn Viết	Nghĩa	D19EVT	17/04/1991	8.5	Tám phẩy Năm	
38	1921169766	Nguy Như	Thành	D19EVT	10/06/1991	8.0	Tám	
39	172247546	Lê Hùng	Anh	K17EVT	05/08/1992	8.5	Tám phẩy Năm	
40	172249023	Ngô Thành	Công	K17EVT	09/10/1993	9.0	Chín	
41	172247532	Nguyễn Hữu	Cường	K17EVT	08/04/1993	8.5	Tám phẩy Năm	
42	172247525	Trần Thanh	Hiển	K17EVT	16/02/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
43	172248902	Mai Thị Quỳnh	Hoa	K17EVT	16/12/1993	8.0	Tám	
44	172247553	Nguyễn Ngọc Quang	Huy	K17EVT	24/04/1993	7.5	Bảy phẩy Năm	
45	172247530	Lê Tiến	Khải	K17EVT	21/06/1993	9.0	Chín	
46	172248901	Trần Văn	Nam	K17EVT	15/01/1993	8.0	Tám	
47	172247531	Trần Văn	Nhật	K17EVT	04/01/1993	8.3	Tám phẩy Ba	
48	172247534	Phạm Phú	Phi	K17EVT	06/01/1993	9.0	Chín	
49	172247533	Dương Hiển	Quang	K17EVT	01/01/1993	9.0	Chín	
50	172247523	Trương Hồng	Quảng	K17EVT	18/05/1993	7.5	Bảy phẩy Năm	
51	172247542	Nguyễn Hữu Khánh	Toàn	K17EVT	08/09/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
52	172247543	Lê Anh	Tuấn	K17EVT	16/07/1993	7.0	Bảy	
53	172247554	Hoàng Minh	Thuận	K17EVT	18/08/1993	9.0	Chín	
54	172248900	Nguyễn Minh	Trí	K17EVT	30/04/1992	8.0	Tám	
55	172247548	Nguyễn	Vinh	K17EVT	22/04/1993	7.3	Bảy phẩy Ba	
56	172247527	Nguyễn Đình	Ý	K17EVT	16/09/1993	6.0	Sáu	
57	162163202	Hồ Trung	Việt	K16EVT	21/04/1992	8.0	Tám	
58	152132550	Nguyễn Thành	Đạt	K15EVT	27/02/1991	8.0	Tám	
59	1826268688	Trần Thị	Chung	T18KDNB	29/04/1985	DC	Đình chỉ	
60	142321913	Trần Hồng	Đạt	K15KDN	09/06/1989	7.0	Bảy	
61	1826268708	Lê Thị Hồng	Linh	T18KDNB	15/03/1990	5.5	Năm phẩy Năm	
62	1826268573	Phạm Thị	Long	D18KDNB	19/05/1986	7.0	Bảy	
63	1827268280	Nguyễn Hoài	Nam	D18KDNB	19/11/1991	8.5	Tám phẩy Năm	
64	178322660	Lê Thị Quỳnh	Nga	T17KDN	14/03/1987	V	Vắng	
65	172328932	Trần Thị	Nga	K17KDN	15/08/1992	8.0	Tám	
66	1826268682	Đỗ Trần Khánh	Ngọc	T18KDNB	09/02/1989	3.5	Ba phẩy Năm	
67	172328055	Võ Thị	Nhàn	K17KDN	18/08/1993	V	Vắng	
68	172328057	Nguyễn Thị Yến	Nhi	K17KDN	13/10/1993	V	Vắng	
69	1826268687	Tạ Thị	Phượng	T18KDNB	06/02/1989	5.5	Năm phẩy Năm	

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN**

**KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12/2015
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
MÔN THI : KIẾN THỨC KH MAC LÊNIN & TTHCM**

70	172328083	Phạm Thị Thuỳ	Sanh	K17KDN	12/05/1993	7.0	Bảy	
71	178322666	Võ Thanh	Tân	T17KDN	22/06/1987	3.0	Ba	
72	172328122	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	K17KDN	13/10/1993	8.0	Tám	
73	172328123	Nguyễn Thị Yến	Trình	K17KDN	23/07/1993	8.0	Tám	
74	172528679	Phan Quang	Trường	K17KDN	23/06/1993	7.8	Bảy phẩy Tám	
75	178322677	Đặng Quang	Vinh	T17KDN	15/08/1988	2.0	Hai	
76	172317800	Nguyễn Huy	Hoàng	K17KKT	24/10/1993	8.5	Tám phẩy Năm	
77	1826258010	Châu Nguyễn Hồng	Nhung	D18KKTb	15/12/1990	5.5	Năm phẩy Năm	
78	172317751	Đào Thị	Phúc	K17KKT	29/12/1993	V	Vắng	
79	172528652	Đặng Thị Hoài	Thương	K17KKT	13/08/1993	8.0	Tám	
80	162316722	Trần Thị ái	Vân	K17KKT	02/02/1992	7.0	Bảy	
81	172317757	Nguyễn Thị Yến	Vy	K17KKT	25/08/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
82	172257346	Phan Thanh	An	K17KMT	22/06/1993	7.0	Bảy	
83	172257341	Trần Văn	Chân	K17KMT	02/01/1991	5.5	Năm phẩy Năm	
84	172257340	Trần Thị Mỹ	Châu	K17KMT	25/12/1993	7.0	Bảy	
85	172257342	Phạm Trọng	Duy	K17KMT	18/09/1992	7.0	Bảy	
86	172257349	Đồng Phước Thạch	Dương	K17KMT	18/02/1993	8.0	Tám	
87	142251486	Nguyễn Chí	Hiếu	K15KMT	29/11/1990	5.5	Năm phẩy Năm	
88	172257337	Trần Minh	Khoa	K17KMT	19/12/1993	6.8	Sáu phẩy Tám	
89	172257335	Trần Thị Thùy	Linh	K17KMT	02/06/1993	6.0	Sáu	
90	172257338	Ngô Hoàng	Nam	K17KMT	07/08/1993	7.0	Bảy	
91	162256774	Đoàn Phạm Ngọc	Rin	K16KMT	14/11/1992	7.0	Bảy	
92	162256512	Bạch Mai	Son	K16KMT	09/08/1992	5.8	Năm phẩy Tám	
93	172257336	Trần Anh	Tuấn	K17KMT	01/07/1992	8.0	Tám	
94	172257347	Lê Anh	Tuấn	K17KMT	28/09/1993	8.0	Tám	
95	172257350	Dương Thị Tú	Trình	K17KMT	25/12/1993	7.0	Bảy	
96	172257344	Phạm Thị	Trình	K17KMT	18/02/1992	8.0	Tám	
97	172257339	Nguyễn Thị	Xuyến	K17KMT	10/06/1993	8.0	Tám	
98	162233446	Phạm Văn	Chát	K16KTR	30/12/1989	V	Vắng	
99	162233465	Hoàng Quốc	Dũng	K16KTR	08/03/1992	8.0	Tám	
100	152232837	Nguyễn Văn	Lộc	K15KTR	01/08/1991	8.0	Tám	
101	162233540	Hạ Thị Thanh	Mỹ	K16KTR	02/06/1992	7.3	Bảy phẩy Ba	
102	162233547	Trương Công	Ngô	K16KTR	27/07/1990	8.0	Tám	
103	152232023	Ngô Đức	Rin	K15KTR	01/01/1990	8.0	Tám	
104	162233578	Nguyễn Minh	Tân	K16KTR	24/02/1992	8.0	Tám	
105	142231454	Đỗ Anh	Tuấn	K16KTR	02/01/1987	7.3	Bảy phẩy Ba	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12/2015
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
MÔN THI : KIẾN THỨC KH MAC LÊNIN & TTHCM

106	162233634	Trịnh Thanh	Tùng	K16KTR	17/03/1992	8.0	Tám	
107	142231459	Nguyễn Nho Thanh	Tùng	K15KTR	18/10/1990	8.0	Tám	
108	162233587	Ngô Việt	Thanh	K16KTR	04/06/1992	6.0	Sáu	
109	162233593	Trần Thị Thanh	Thảo	K16KTR	17/09/1991	V	Vắng	
110	162233628	Thái Lâm	Trường	K16KTR	23/03/1991	7.3	Bảy phẩy Ba	
111	162213209	Võ Đăng	Bảo	K16XDD	11/11/1990	6.0	Sáu	
112	152212743	Trần Đình	Bảo	K15XDD	09/06/1990	V	Vắng	
113	162213213	Nguyễn Đức	Bình	K16XDD	12/02/1992	V	Vắng	
114	162223360	Nguyễn Tấn	Bình	K16XDC	29/05/1989	7.5	Bảy phẩy Năm	
115	178224853	Hoàng Như	Bốn	T17XDCB	20/11/1986	6.5	Sáu phẩy Năm	
116	168222771	Hồ Thanh	Cao	T16XDCB	01/07/1984	7.0	Bảy	
117	168212735	Nguyễn Văn	Cường	T17XDD	25/06/1984	6.0	Sáu	
118	178214826	Nguyễn Đình	Cường	T17XDDB	01/04/1984	6.0	Sáu	
119	178214833	Lê Hùng	Cường	T17XDDB	12/02/1984	6.0	Sáu	
120	178224873	Trần Văn	Cường	T17XDCB	06/01/1979	6.0	Sáu	
121	142211195	Huỳnh Khắc	Dân	K15XDD	09/07/1990	5.5	Năm phẩy Năm	
122	162223372	Hồ Xuân	Hải	K16XDC	19/12/1992	DC	Đình chỉ	
123	162223381	Đặng Công	Hiếu	K16XDC	22/05/1991	5.5	Năm phẩy Năm	
124	162223380	Phạm Trung	Hiếu	K16XDC	02/09/1992	DC	Đình chỉ	
125	162223382	Trần Đình	Hoàn	K16XDC	20/02/1991	5.5	Năm phẩy Năm	
126	162223386	Nguyễn Mạnh	Hùng	K16XDC	06/01/1992	5.5	Năm phẩy Năm	
127	178214838	Nguyễn Duy	Hưng	T17XDDB	03/11/1986	5.5	Năm phẩy Năm	
128	169212446	Nguyễn Ngọc	Khánh	D16XDD	10/10/1983	V	Vắng	
129	162213258	Lê Duy	Lộc	K16XDD	28/04/1992	5.5	Năm phẩy Năm	
130	111140262	Nguyễn Phong	Lưu	K14XDD	19/05/1984	5.5	Năm phẩy Năm	
131	162213267	Hồ Thăng	Minh	K16XDD	06/07/1992	5.5	Năm phẩy Năm	
132	162213269	Nguyễn Hoàng	Nam	K16XDD	01/07/1992	6.5	Sáu phẩy Năm	
133	132224740	Phạm Phương	Nam	K13XDC	01/09/1989	5.5	Năm phẩy Năm	
134	178212974	Nguyễn Văn	Nghĩa	T17XDD	14/09/1988	5.5	Năm phẩy Năm	
135	162227086	Hoàng Như	Ngọc	K16XDC	18/05/1992	7.0	Bảy	
136	162213275	Lê Bá	Nguyên	K16XDD	01/07/1992	7.5	Bảy phẩy Năm	
137	132214508	Nguyễn Hữu Thành	Nhân	K13XDD	09/07/1989	6.0	Sáu	
138	152212624	Trương Thanh	Phương	K16XDD	30/06/1991	5.5	Năm phẩy Năm	
139	162213287	Hoàng Thanh	Quang	K16XDD	13/09/1991	6.0	Sáu	
140	142211262	Đỗ Thái	Sơn	K16XDD	25/06/1989	5.5	Năm phẩy Năm	
141	1827617410	Nguyễn Ngọc	Sơn	D18XDDB	23/08/1986	6.0	Sáu	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12/2015
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
MÔN THI : KIẾN THỨC KH MAC LÊNIN & TTHCM

142	152220366	Trần Văn	Sơn	T15XDC	01/02/1981	5.5	Năm phẩy Năm	
143	132214560	Phan Đình	Thành	K14XDD	05/04/1989	7.5	Bảy phẩy Năm	
144	162223410	Nguyễn Văn	Thành	K16XDC	19/07/1992	6.0	Sáu	
145	162226923	Tăng Thị Xuân	Thảo	K16XDC	07/04/1992	6.0	Sáu	
146	162213316	Trần Diễn	Thuyết	K16XDD	16/08/1991	5.5	Năm phẩy Năm	
147	178212989	Đặng Trần	Tri	T17XDD	25/01/1988	5.5	Năm phẩy Năm	
148	1827617438	Nguyễn Quỳnh	Trin	D18XDDB	20/06/1987	2.0	Hai	
149	162213326	Tướng Xuân	Trúc	K16XDD	09/01/1992	6.0	Sáu	
150	169221625	Trịnh Thế	Trường	D16XDC	04/09/1987	2.0	Hai	
151	152212744	Nguyễn Anh	Tuấn	K15XDD	30/05/1991	5.5	Năm phẩy Năm	
152	142221368	Nguyễn Anh	Tuấn	K16XDC	08/06/1988	7.0	Bảy	
153	162226637	Hoàng Đức	Tuấn	K16XDC	16/11/1991	0.0	Không	
154	172126459	Trần Thị Phương	Trang	K17TTT	21/04/1993	V	Vắng	
155	172147636	Nguyễn Song Duy	Trực	K17TTT	21/08/1993	7.5	Bảy phẩy Năm	
156	172117561	Trần Hữu Phú	Cường	K17TMT	25/11/1993	7.0	Bảy	
157	1827112034	Văn Quý	Đạt	D18TMT	18/02/1989	V	Vắng	
158	162113008	Lê Tấn	Hiển	K16TMT	16/06/1992	8.0	Tám	
159	1827117154	Nguyễn Hoàng Quốc	Khánh	D18TMTB	02/09/1991	6.0	Sáu	
160	1827112071	Nguyễn Văn	Kỳ	D18TMT	26/10/1990	V	Vắng	
161	1827117209	Nguyễn Đức	Sỹ	D18TMTB	10/10/1989	9.0	Chín	
162	1921113065	Lưu Xuân	Thắng	D19TMT	28/01/1991	8.0	Tám	
163	162113027	Lê Hữu	Thiện	K16TMT	12/03/1991	7.0	Bảy	
164	179113504	Phạm Quang	Vũ	D17TMTB	01/01/1990	V	Vắng	
165	172127582	Lương Đình	Hoàng	K17TPM	08/07/1992	7.0	Bảy	
166	172127586	Trương Anh	Hoàng	K17TPM	26/10/1993	V	Vắng	
167	142121071	Phạm Văn	Linh	K15TPM	21/07/1988	7.0	Bảy	
168	172127604	Trần Quang	Phát	K17TPM	27/10/1993	V	Vắng	
169	172127610	Văn Công	Tài	K17TPM	09/04/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
170	172127611	Phạm Văn	Tài	K17TPM	09/01/1993	8.3	Tám phẩy Ba	
171	172127617	Trương Sĩ	Tiến	K17TPM	11/05/1993	3.0	Ba	
172	162423976	Nguyễn Minh	Nhật	K16DLL	15/01/1992	V	Vắng	
173	179414793	Phạm Quốc	Anh	D17DLKB	12/09/1990	3.0	Ba	
174	1826718598	Lê Thị Khánh	Hòa	D18DLKB	02/10/1990	9.0	Chín	
175	172417670	Phan Thị Ngọc	Luyến	K17DLK	06/12/1992	8.0	Tám	
176	172417671	Nguyễn Thị Anh	Nguyên	K17DLK	22/11/1993	8.0	Tám	
177	172418907	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	K17DLK	02/11/1993	8.0	Tám	

178	1920715939	Trịnh Thị	Phượng	D19DLKB	26/05/1992	8.0	Tám	
179	172528686	Trần Thị Phương	Uyên	K17DLK	28/04/1992	8.0	Tám	